

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 8
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	9
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư	16 - 17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	18 - 19
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	20 - 56



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 10.014.900,00 chứng chỉ với tổng giá trị là 100.149.000.000 Việt Nam đồng, chiếm 200,30% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 145.645.158.200 Việt Nam đồng, tương đương với 14.564.515,82 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8, Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Tsai, Hsiu-Li	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022
Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	Ngày 3 tháng 12 năm 2013
Ông Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	Ngày 9 tháng 12 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lu, Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên một chứng chỉ quỹ ("CCQ") của Quỹ tăng 7,96% so với NAV/CCQ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ngày 29 tháng 12 năm 2025 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 189.384.801.843 Việt Nam đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 14.564.515,82 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:

- Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ vì phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.

Hình thức chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
Danh mục cổ phiếu	83,46	89,54	87,87
Tiền gửi ngân hàng	16,08	5,01	6,97
Chứng khoán khác và tài sản khác	0,46	5,45	5,16
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	189.384.801.843	174.166.388.292	182.929.572.014
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	14.564.515,82	14.460.088,05	15.121.912,07
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	13.003,16	12.044,63	12.096,99
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (VND)	14.402,89	12.393,00	12.617,99
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (VND)	12.653,35	9.916,43	10.685,66
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	7,96	(1,42)	14,21
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Thay đổi do biến động giá)	6,18	0,32	9,24
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,78	(1,74)	4,97
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (b)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ từ trong kỳ báo cáo (%)	2,30	2,52	2,24
14	Tốc độ vòng quay danh mục từ trong kỳ báo cáo (%)	116,17	162,76	107,32

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	7,96	7,96
3 năm	24,19	7,49
Từ khi thành lập	30,03	7,55
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP quý II/2026 tăng 8,39% so với cùng kỳ năm trước, đưa GDP sáu tháng đầu năm 2026 lên mức 8,18% (tăng 7,63% so với cùng kỳ 2025) đây cũng là mức tăng nửa đầu năm cao nhất nhiều năm qua. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,51%, đóng góp tới 50,07% vào mức tăng chung, với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính khi Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production) quý II tăng 11,4%. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với cùng kỳ, khiến cho CPI bình quân sáu tháng đầu năm chạm mức cao nhất trong 5 năm qua 4,38% (lạm phát cơ bản tăng 4,12%), dù CPI tháng 6 đã giảm 0,39% so với tháng trước nhờ giá xăng dầu hạ nhiệt. Vốn đầu tư toàn xã hội quý II/2026 đạt 1.059,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,10% so với cùng kỳ. FDI đăng ký lũy kế đến 30/6/2026 đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,00%, FDI thực hiện sáu tháng đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2%. Điều này cho thấy sức hút đầu tư nước ngoài vẫn đang duy trì ở mức tích cực. Tuy nhiên, cán cân thương mại 6 tháng đầu năm của Việt Nam vẫn đang trong tình trạng nhập siêu 16,65 tỷ USD, trái ngược với mức xuất siêu 7,95 tỷ USD của cùng kỳ năm trước. Đây được xem là rủi ro tiềm ẩn, đặt ra thách thức đối với mục tiêu kiểm soát lạm phát cả năm 2026 ở mức 4,50% đòi hỏi sự theo dõi hết sức thận trọng trong điều hành chính sách vĩ mô nửa cuối năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ	8,20	14,54	15,29
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ	(0,24)	9,65	14,74
Tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	7,96	24,19	30,03

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	189.384.801.843	174.166.388.292	8,74
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	13.003,16	12.044,63	7,96

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại 30 tháng 6 năm 2026

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	913	190.157,63	1,31
Từ 5.000 đến 10.000	4	28.008,29	0,19
Từ 10.000 đến 50.000	7	100.142,93	0,69
Từ 50.000 đến 500.000	4	424.819,49	2,92
Trên 500.000	5	13.821.387,48	94,89
Tổng cộng	933	14.564.515,82	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Bước vào quý III/2026, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với không ít thách thức đối với mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đầy tham vọng ở mức 8,0% - 8,8%. Đầu tư công và dòng vốn FDI ổn định tiếp tục được kỳ vọng là động lực then chốt cho sáu tháng cuối năm, song hiệu quả của các động lực này đang dần suy giảm trước áp lực ngày càng lớn từ cả bên trong lẫn bên ngoài.

Về yếu tố bên ngoài, xung đột tại Trung Đông tuy đã đạt được lệnh ngừng bắn tạm thời nhưng tình hình khu vực vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro do các cuộc giao tranh lẻ tẻ và sự phức tạp của bối cảnh địa chính trị. Thách thức to lớn nằm ở việc gián đoạn vận tải biển và biến động giá dầu có thể đẩy chi phí nhập khẩu năng lượng, chi phí logistics và giá đầu vào sản xuất tăng cao, trong khi nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn hiện hữu. Cú sốc kép này đe dọa mục tiêu kiểm soát lạm phát 4,0% - 4,5%, đồng thời thu hẹp đáng kể biên lợi nhuận của các ngành xuất khẩu chủ lực.

Ở trong nước, môi trường lãi suất tăng dần tiếp tục kìm hãm đà phục hồi của thị trường bất động sản và làm suy yếu xu hướng đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân. Trước sức ép của chi phí đầu vào tăng cao, trở ngại trong xuất khẩu và thanh khoản trong nước bị thắt chặt hơn, mục tiêu tăng trưởng đề ra trở nên khó khả thi hơn. Bên cạnh đó, giải ngân đầu tư công vẫn chịu áp lực lớn từ thủ tục, mặt bằng, đấu thầu, năng lực triển khai dự án cũng như sự phối hợp giữa các địa phương và bộ, ngành; nếu không được đẩy mạnh trong nửa cuối năm, vai trò dẫn dắt tăng trưởng của khu vực này sẽ khó đạt như kỳ vọng.

Trong bối cảnh đó, quỹ đạo điều hành kinh tế thời gian tới sẽ ít nghiêng về chiến lược mở rộng mạnh mẽ mà chuyển hướng nhiều hơn sang phòng thủ vĩ mô, đòi hỏi giám sát chặt chẽ diễn biến CPI, tỷ giá hối đoái và thanh khoản hệ thống.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lu, Hui-Hung

**BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM
GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2026**



Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng giám sát của QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư
và Phát triển Việt Nam
Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Ông Trần Ngọc Tiến
Phó trưởng phòng
Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13314328/E-70135983/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 12 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

10/10



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	I. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(3.682.465.222)	(294.934.175)
02	1.1 Cổ tức được chia		1.988.384.400	1.600.054.700
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	347.171.728	231.514.275
04	1.3 Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	15	3.020.685.853	(2.715.329.372)
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(9.038.707.203)	588.826.222
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		327.951.209	417.164.380
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	327.951.209	417.164.380
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.904.421.298	1.740.621.364
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	1.447.163.614	1.274.495.662
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	165.863.506	181.496.086
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		66.195.469	64.350.063
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	17	13.998.709	9.079.553
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(5.914.837.729)	(2.452.719.919)
30	V. TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(5.914.837.729)	(2.452.719.919)
31	5.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		3.123.869.474	(3.041.546.141)
32	5.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(9.038.707.203)	588.826.222
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(5.914.837.729)	(2.452.719.919)

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập
Kế toán Quỹ

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lê Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	21.651.376.346	11.656.900.194
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		21.651.376.346	11.656.900.194
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	168.096.465.450	185.843.773.012
121	2.1 Các khoản đầu tư		168.096.465.450	185.843.773.012
130	3. Các khoản phải thu		869.880.035	2.277.734.062
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	1.952.630.000
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		869.880.035	325.104.062
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	869.880.035	325.104.062
100	TỔNG TÀI SẢN		190.617.721.831	199.778.407.268
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	883.200.000	4.093.426.200
313	2. Phải trả cho các đại lý phân phối CCQ	8	1.027.958	1.075.094
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		69.896	59.661
316	4. Chi phí phải trả	9	67.520.269	142.557.084
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10	6.380.007	21.070.007
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	10	3.811.107	11.416.418
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	270.910.751	297.576.869
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.232.919.988	4.567.181.333
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		189.384.801.843	195.211.225.935
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	12	145.645.158.200	145.426.027.800
412	1.1 Vốn góp phát hành		166.471.567.000	157.527.913.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(20.826.408.800)	(12.101.885.900)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	806.250.324	936.967.087
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	42.933.393.319	48.848.231.048
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	13.003,16	13.423,40

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ
004	Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	14.564.515,82	14.542.602,78

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

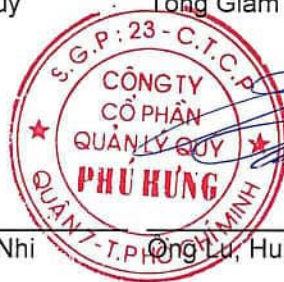
Người lập
Kế toán Quỹ

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lưu, Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	195.211.225.935	186.308.298.512
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(5.914.837.729)	(2.452.719.919)
	Trong đó:		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	(5.914.837.729)	(2.452.719.919)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	88.413.637	(9.689.190.301)
	Trong đó:		
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	11.713.359.763	2.889.895.891
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(11.624.946.126)	(12.579.086.192)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV = I + II + III)	189.384.801.843	174.166.388.292

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập
Kế toán Quỹ



Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ



Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Ông Lê Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết	4.437.167		159.096.465.450	83,46
1	ACB	368.681	22.650	8.350.624.650	4,38
2	BID	127.000	42.400	5.384.800.000	2,82
3	BSR	65.600	24.150	1.584.240.000	0,83
4	BVH	33.000	64.600	2.131.800.000	1,12
5	CTD	2.978	72.700	216.500.600	0,11
6	CTG	240.961	33.950	8.180.625.950	4,29
7	DCM	40.000	35.200	1.408.000.000	0,74
8	DHC	93.060	34.000	3.164.040.000	1,66
9	DPR	118.900	38.800	4.613.320.000	2,42
10	DXP	70.500	13.400	944.700.000	0,50
11	EIB	60.700	21.000	1.274.700.000	0,67
12	FPT	39.900	70.200	2.800.980.000	1,47
13	GAS	17.800	77.400	1.377.720.000	0,72
14	GMD	52.000	73.600	3.827.200.000	2,01
15	GVR	83.100	32.800	2.725.680.000	1,43
16	HDB	197.367	25.850	5.101.936.950	2,68
17	HPG	349.800	23.300	8.150.340.000	4,28
18	KBC	35.300	30.500	1.076.650.000	0,56
19	KDH	143.260	21.600	3.094.416.000	1,62
20	LPB	20.000	53.500	1.070.000.000	0,56
21	MBB	321.449	25.200	8.100.514.800	4,25
22	MSH	82.600	33.900	2.800.140.000	1,47
23	MSN	92.100	72.100	6.640.410.000	3,48
24	MWG	101.700	78.100	7.942.770.000	4,17
25	PNJ	14.000	63.000	882.000.000	0,46
26	POW	165.400	14.700	2.431.380.000	1,28
27	PVT	257.620	19.850	5.113.757.000	2,68
28	STB	69.300	73.800	5.114.340.000	2,68
29	TCB	245.000	33.500	8.207.500.000	4,31
30	TLG	38.550	49.150	1.894.732.500	0,99
31	TOS	15.241	172.000	2.621.452.000	1,38
32	VCB	117.400	62.200	7.302.280.000	3,83
33	VCI	70.700	24.350	1.721.545.000	0,90
34	VHC	95.600	59.500	5.688.200.000	2,98
35	VHM	44.600	151.800	6.770.280.000	3,55
36	VLB	54.600	49.300	2.691.780.000	1,41
37	VNM	119.200	54.800	6.532.160.000	3,43
38	VPB	296.500	27.000	8.005.500.000	4,20
39	VRE	75.700	28.500	2.157.450.000	1,13

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)
II	Các loại chứng khoán khác			9.000.000.000	4,72
1	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng			9.000.000.000	4,72
III	Các tài sản khác			869.880.035	0,46
1	Phải thu cổ tức			686.522.500	0,36
2	Lãi tiền gửi được nhận			183.357.535	0,10
IV	Tiền			21.651.376.346	11,36
1	Tiền gửi tại Ngân hàng			21.651.376.346	11,36
V	Tổng giá trị danh mục			190.617.721.831	100

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập
Kế toán Quỹ



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lưu Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B05g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.914.837.729)	(2.452.719.919)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		8.963.670.388	(655.855.227)
	Trong đó:			
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	9.038.707.203	(588.826.222)
04	Chi phí trích trước		(75.036.815)	(67.029.005)
05	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		3.048.832.659	(3.108.575.146)
20	Giảm các khoản đầu tư		8.708.600.359	11.232.920.622
06	Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		1.952.630.000	637.680.000
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(544.775.973)	(39.339.179)
10	Giảm phải trả cho người bán		(3.210.226.200)	(548.365.000)
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(47.136)	1.241.764
13	Tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		10.235	104.513
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(14.690.000)	33.420.258
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(7.605.311)	18.737.700
17	Giảm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(26.666.118)	(24.113.772)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.906.062.515	8.203.711.760
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	11.713.359.763	2.889.895.891
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(11.624.946.126)	(12.579.086.192)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		88.413.637	(9.689.190.301)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ		9.994.476.152	(1.485.478.541)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		11.656.900.194	10.274.522.774
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		11.656.900.194	10.274.522.774
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		11.633.731.268	10.263.002.767
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		11.633.731.268	10.263.002.767
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		23.168.926	11.520.007

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B05g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	21.651.376.346	8.789.044.233
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		21.651.376.346	8.789.044.233
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		11.338.898.534	8.724.817.936
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		11.338.898.534	8.724.817.936
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		10.312.477.812	64.226.297
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		9.994.476.152	(1.485.478.541)

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập
Kế toán Quỹ

Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Ông Lưu Hui-Hung

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8, Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 10.014.900,00 chứng chỉ với tổng giá trị là 100.149.000.000 Việt Nam đồng, chiếm 200,30% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 145.645.158.200 Việt Nam đồng, tương đương với 14.564.515,82 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

NAV của Quỹ được xác định theo Ngày Giao dịch, đảm bảo tối thiểu một (1) lần trong một (1) tuần và hàng tháng để phục vụ mục đích báo cáo tháng.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày, vào các ngày làm việc trong tuần ("Ngày giao dịch" hay "Ngày T"). Trong trường hợp Ngày giao dịch nêu trên rơi vào ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật, ngày nghỉ theo quy định nội bộ của Công ty Quản lý quỹ, như là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty, thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp gần nhất, trừ khi Công ty Quản lý quỹ có thông báo khác.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam;

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Quý sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 136 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến phương pháp xác định giá trị tài sản, danh mục đầu tư và hạn mức đầu tư, đồng thời cập nhật một số quy định khác về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quý bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quý phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông tư 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Theo phương pháp do Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (HSX, HNX)	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch chuyển sàn giao dịch chứng khoán	Giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi chuyển sàn.
12.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	- Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét; + Mệnh giá; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	- Là một trong các mức giá sau: + Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá. + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá.
14.	Quyền mua cổ phiếu	- Được xác định: + Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$.

C.T.
TY
AN
QU
VN
OC

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng chỉ quỹ đại chúng		
15.	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng có niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
16.	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng chưa niêm yết	- Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân.

3.6 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.6.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.6.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 *Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản: "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Phí dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

3.9.2 Phí dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.3 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.4 Phí dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.5 Phí dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.6 Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 0,03% trên tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày với mức tối thiểu là 50.000 đồng trên mỗi ngày giao dịch.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



PHỤ LỤC
TÀI CHÍNH
QUỹ Đầu tư
Chọn lọc
Phú Hưng
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25").

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BTC ngày 04 tháng 01 năm 2024 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	11.338.898.534	11.633.731.268
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10.312.477.812	23.168.926
	21.651.376.346	11.656.900.194

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Cổ phiếu niêm yết	138.427.292.415	159.096.465.450	22.864.805.200	(2.195.632.165)	20.669.173.035	159.096.465.450
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-	9.000.000.000
	147.427.292.415	168.096.465.450	22.864.805.200	(2.195.632.165)	20.669.173.035	168.096.465.450
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Cổ phiếu niêm yết	148.045.909.212	177.753.789.450	30.677.604.229	(969.723.991)	29.707.880.238	177.753.789.450
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	8.089.983.562	8.089.983.562	-	-	-	8.089.983.562
	156.135.892.774	185.843.773.012	30.677.604.229	(969.723.991)	29.707.880.238	185.843.773.012
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ			(9.038.707.203)			

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Dự thu cổ tức	686.522.500	224.400.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	183.357.535	100.704.062
	869.880.035	325.104.062

7. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả về mua cổ phiếu	883.200.000	4.093.426.200

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	1.027.958	1.075.094

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phí kiểm toán	66.195.469	133.488.000
Phí môi giới giao dịch chứng khoán	1.324.800	9.069.084
	67.520.269	142.557.084

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA VÀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	6.380.007	21.070.007
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	3.811.107	11.416.418
	10.191.114	32.486.425

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	220.445.791	245.563.052
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký, bảo quản tài sản Quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	264.960	1.813.817
	270.910.751	297.576.869

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Phát sinh trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026
Vốn góp phát hành				
Số lượng chứng chỉ quỹ	CCQ	15.752.791,37	894.365,33	16.647.156,70
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	157.527.913.700	8.943.653.300	166.471.567.000
Thặng dư vốn	VND	3.623.580.253	2.769.706.463	6.393.286.716
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	161.151.493.953	11.713.359.763	172.864.853.716
Vốn góp mua lại				
Số lượng chứng chỉ quỹ	CCQ	(1.210.188,59)	(872.452,29)	(2.082.640,88)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(12.101.885.900)	(8.724.522.900)	(20.826.408.800)
Thặng dư vốn	VND	(2.686.613.166)	(2.900.423.226)	(5.587.036.392)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(14.788.499.066)	(11.624.946.126)	(26.413.445.192)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	14.542.602,78	21.913,04	14.564.515,82
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	145.426.027.800	219.130.400	145.645.158.200
Tổng thặng dư vốn	VND	936.967.087	(130.716.763)	806.250.324
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	48.848.231.048	(5.914.837.729)	42.933.393.319
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	195.211.225.935		189.384.801.843
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	VND/ CCQ	13.423,40		13.003,16

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	22.264.220.284	19.140.350.810
Lợi nhuận chưa thực hiện	20.669.173.035	29.707.880.238
	42.933.393.319	48.848.231.048

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	336.604.371	221.502.741
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	10.567.357	10.011.534
	347.171.728	231.514.275

15. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>			
	<i>Tổng giá trị bán trong kỳ VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	119.287.416.250	116.266.730.397	3.020.685.853
<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>			
	<i>Tổng giá trị bán trong kỳ VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán trong kỳ VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	143.657.818.250	146.373.147.622	(2.715.329.372)

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch mua bán chứng khoán	67.980.669	83.824.278
Phí dịch vụ lưu ký trả cho VSDC	7.882.837	7.671.808
	165.863.506	181.496.086

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Phí ngân hàng	8.498.709	7.979.553
Phí thực hiện quyền	5.500.000	1.100.000
	13.998.709	9.079.553

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	158.332.014	201.677.636
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	169.619.195	215.486.744
	327.951.209	417.164.380

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên các công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	CTCP Chứng khoán Phú Hưng	Có liên quan	39.223.306.000	225.935.529.850	17,36	0,15	0,15 - 0,20
2	CTCP Chứng khoán TP.HCM	Không liên quan	34.203.914.700	225.935.529.850	15,14	0,15	0,15 - 0,20
3	CTCP Chứng khoán VietCap	Không liên quan	33.503.851.300	225.935.529.850	14,83	0,15	0,15 - 0,20
4	Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	Không liên quan	28.072.108.000	225.935.529.850	12,42	0,12	0,15 - 0,20
5	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	24.548.525.000	225.935.529.850	10,87	0,15	0,15 - 0,20
6	Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng	Không liên quan	24.245.715.000	225.935.529.850	10,73	0,15	0,15 - 0,20
7	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	23.727.509.850	225.935.529.850	10,50	0,15	0,15 - 0,20
8	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Không liên quan	13.349.665.000	225.935.529.850	5,91	0,15	0,15 - 0,20
9	CTCP Chứng khoán Finhay	Không liên quan	5.060.935.000	225.935.529.850	2,24	0,10	0,15 - 0,20
Tổng			225.935.529.850		100,00		

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị BIDV theo dõi trong kỳ của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026:

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
31/12/2025	195.211.225.935	14.542.602,78	13.423,40	
04/01/2026	195.176.799.596	14.542.602,78	13.421,04	(2,36)
05/01/2026	194.679.025.855	14.543.422,66	13.386,05	(34,99)
06/01/2026	196.846.366.363	14.544.462,50	13.534,11	148,06
07/01/2026	199.579.825.609	14.546.855,90	13.719,79	185,68
08/01/2026	200.000.653.601	14.545.810,79	13.749,71	29,92
11/01/2026	199.998.968.521	14.539.313,18	13.755,74	6,03
12/01/2026	204.330.678.389	14.539.620,19	14.053,37	297,63
13/01/2026	205.535.547.453	14.545.457,45	14.130,57	77,20
14/01/2026	205.757.660.726	14.545.767,03	14.145,54	14,97
15/01/2026	205.864.644.648	14.546.081,45	14.152,58	7,04
18/01/2026	206.462.088.765	14.546.619,31	14.193,13	40,55
19/01/2026	207.353.408.392	14.546.390,88	14.254,63	61,50
20/01/2026	207.519.021.295	14.546.156,95	14.266,24	11,61
21/01/2026	206.420.466.615	14.532.640,65	14.203,92	(62,32)
22/01/2026	207.021.812.928	14.530.282,36	14.247,61	43,69
25/01/2026	204.107.490.946	14.529.806,48	14.047,50	(200,11)
26/01/2026	201.012.381.052	14.528.342,04	13.835,88	(211,62)
27/01/2026	201.950.100.406	14.528.825,40	13.899,96	64,08
28/01/2026	202.255.364.103	14.528.174,86	13.921,59	21,63
29/01/2026	204.062.902.516	14.528.006,29	14.046,17	124,58
31/01/2026	206.135.204.388	14.528.077,52	14.188,75	142,58
01/02/2026	206.125.975.447	14.528.077,52	14.188,11	(0,64)
02/02/2026	206.896.724.348	14.528.800,24	14.240,45	52,34
03/02/2026	208.115.381.863	14.529.412,25	14.323,73	83,28
04/02/2026	208.889.762.736	14.529.184,91	14.377,25	53,52
05/02/2026	204.599.317.520	14.529.133,33	14.082,00	(295,25)
08/02/2026	200.528.950.710	14.529.425,84	13.801,57	(280,43)
09/02/2026	200.762.216.905	14.529.807,44	13.817,27	15,70
10/02/2026	199.087.428.493	14.530.088,76	13.701,74	(115,53)
11/02/2026	202.981.632.011	14.530.535,54	13.969,32	267,58
12/02/2026	203.599.423.805	14.534.334,80	14.008,17	38,85
18/02/2026	204.121.521.384	14.537.264,23	14.041,26	33,09
22/02/2026	204.084.926.222	14.537.264,23	14.038,74	(2,52)
23/02/2026	206.716.042.380	14.541.916,09	14.215,19	176,45
24/02/2026	207.624.304.026	14.542.957,74	14.276,62	61,43
25/02/2026	208.774.894.687	14.543.308,18	14.355,39	78,77
26/02/2026	209.429.238.449	14.540.776,48	14.402,89	47,50
28/02/2026	209.155.490.795	14.541.988,30	14.382,87	(20,02)
01/03/2026	209.146.311.234	14.541.988,30	14.382,24	(0,63)
02/03/2026	207.061.688.118	14.542.155,71	14.238,72	(143,52)
03/03/2026	204.638.891.361	14.542.753,11	14.071,54	(167,18)
04/03/2026	203.051.709.974	14.542.900,65	13.962,26	(109,28)
05/03/2026	200.647.085.352	14.542.681,40	13.797,12	(165,14)
08/03/2026	198.093.688.583	14.544.625,77	13.619,72	(177,40)
09/03/2026	185.611.174.602	14.545.214,16	12.760,98	(858,74)
10/03/2026	190.780.519.565	14.545.286,13	13.116,31	355,33
11/03/2026	195.792.500.753	14.549.362,04	13.457,12	340,81
12/03/2026	193.714.238.006	14.550.245,13	13.313,47	(143,65)
15/03/2026	193.172.929.259	14.552.835,29	13.273,90	(39,57)
16/03/2026	192.527.166.778	14.553.016,97	13.229,36	(44,54)
17/03/2026	193.827.348.051	14.553.538,27	13.318,23	88,87

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo):

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
18/03/2026	194.083.416.910	14.542.985,56	13.345,50	27,27
19/03/2026	192.344.693.138	14.543.130,16	13.225,81	(119,69)
22/03/2026	189.386.167.653	14.543.042,90	13.022,46	(203,35)
23/03/2026	184.020.641.661	14.543.239,67	12.653,35	(369,11)
24/03/2026	188.138.964.318	14.543.607,57	12.936,20	282,85
25/03/2026	192.912.691.573	14.544.488,74	13.263,63	327,43
26/03/2026	191.780.551.330	14.544.637,21	13.185,65	(77,98)
29/03/2026	194.331.158.956	14.544.707,68	13.360,95	175,30
30/03/2026	193.597.561.935	14.544.640,32	13.310,58	(50,37)
31/03/2026	194.102.370.025	14.544.858,20	13.345,09	34,51
01/04/2026	194.642.498.885	14.545.233,60	13.381,88	36,79
02/04/2026	193.309.709.836	14.545.377,39	13.290,11	(91,77)
05/04/2026	190.686.869.732	14.546.316,67	13.108,95	(181,16)
06/04/2026	188.926.318.663	14.546.787,29	12.987,49	(121,46)
07/04/2026	189.212.053.905	14.547.805,35	13.006,23	18,74
08/04/2026	196.124.065.175	14.547.776,86	13.481,38	475,15
09/04/2026	194.998.334.666	14.548.661,35	13.403,18	(78,20)
12/04/2026	196.177.764.365	14.548.761,74	13.484,16	80,98
13/04/2026	195.334.213.234	14.547.957,13	13.426,92	(57,24)
14/04/2026	196.255.659.622	14.550.400,09	13.487,99	61,07
15/04/2026	195.706.007.098	14.550.512,04	13.450,11	(37,88)
16/04/2026	195.650.733.571	14.552.790,32	13.444,21	(5,90)
19/04/2026	196.493.989.316	14.552.770,28	13.502,17	57,96
20/04/2026	198.042.878.628	14.553.220,90	13.608,18	106,01
21/04/2026	197.165.264.390	14.553.178,49	13.547,92	(60,26)
22/04/2026	196.801.604.702	14.552.948,30	13.523,14	(24,78)
23/04/2026	196.785.235.798	14.553.465,10	13.521,54	(1,60)
27/04/2026	195.392.105.572	14.553.007,99	13.426,24	(95,30)
28/04/2026	194.606.681.856	14.554.108,57	13.371,25	(54,99)
30/04/2026	194.194.983.831	14.554.913,23	13.342,23	(29,02)
03/05/2026	194.171.846.491	14.554.913,23	13.340,64	(1,59)
04/05/2026	194.265.067.956	14.555.169,57	13.346,81	6,17
05/05/2026	194.907.812.203	14.555.832,27	13.390,36	43,55
06/05/2026	196.221.450.581	14.555.559,93	13.480,86	90,50
07/05/2026	196.524.215.076	14.553.668,40	13.503,41	22,55
10/05/2026	195.929.130.519	14.553.731,34	13.462,47	(40,94)
11/05/2026	194.492.114.620	14.554.101,81	13.363,39	(99,08)
12/05/2026	195.218.560.800	14.553.414,53	13.413,94	50,55
13/05/2026	195.247.723.598	14.556.758,01	13.412,86	(1,08)
14/05/2026	196.411.354.041	14.554.906,86	13.494,51	81,65
17/05/2026	195.719.775.160	14.555.115,84	13.446,80	(47,71)
18/05/2026	196.355.760.241	14.555.160,29	13.490,46	43,66
19/05/2026	193.481.756.483	14.555.261,41	13.292,91	(197,55)
20/05/2026	192.842.382.361	14.555.362,99	13.248,89	(44,02)
21/05/2026	192.724.073.807	14.555.179,96	13.240,93	(7,96)
24/05/2026	191.720.806.961	14.555.204,26	13.171,98	(68,95)
25/05/2026	191.989.649.479	14.555.563,90	13.190,12	18,14
26/05/2026	193.318.496.879	14.555.244,27	13.281,71	91,59
27/05/2026	182.361.500.349	13.765.274,98	13.247,94	(33,77)
28/05/2026	180.641.870.972	13.766.089,20	13.122,24	(125,70)

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo):

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
31/05/2026	180.501.087.483	13.766.716,81	13.111,41	(10,83)
01/06/2026	180.288.440.655	13.766.898,16	13.095,79	(15,62)
02/06/2026	178.447.075.282	13.768.141,03	12.960,87	(134,92)
03/06/2026	179.274.396.973	13.768.203,01	13.020,90	60,03
04/06/2026	180.091.324.707	13.768.316,58	13.080,13	59,23
07/06/2026	179.338.082.669	13.768.046,16	13.025,67	(54,46)
08/06/2026	176.111.939.752	13.767.939,85	12.791,45	(234,22)
09/06/2026	177.502.514.191	13.768.642,76	12.891,79	100,34
10/06/2026	177.907.786.457	13.768.793,67	12.921,09	29,30
11/06/2026	177.621.870.716	13.772.633,97	12.896,72	(24,37)
14/06/2026	177.130.592.401	13.772.608,02	12.861,08	(35,64)
15/06/2026	178.710.195.518	13.774.774,90	12.973,73	112,65
16/06/2026	178.625.088.692	13.775.341,74	12.967,02	(6,71)
17/06/2026	178.799.554.740	13.776.144,85	12.978,93	11,91
18/06/2026	178.837.225.690	13.776.006,25	12.981,79	2,86
21/06/2026	178.079.462.081	13.776.302,42	12.926,51	(55,28)
22/06/2026	178.356.738.302	13.777.154,29	12.945,83	19,32
23/06/2026	178.255.650.331	13.777.293,13	12.938,37	(7,46)
24/06/2026	178.565.427.031	13.776.450,43	12.961,64	23,27
25/06/2026	178.285.247.102	13.776.403,24	12.941,35	(20,29)
28/06/2026	178.494.898.354	13.774.065,25	12.958,77	17,42
29/06/2026	179.523.636.775	13.774.147,40	13.033,38	74,61
30/06/2026	189.384.801.843	14.564.515,82	13.003,16	(30,22)

Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ 194.479.939.292

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất 858,74

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất 0,63

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
31/12/2024	186.308.298.512	15.249.204,11	12.217,58	
01/01/2025	186.299.914.140	15.249.204,11	12.217,03	(0,55)
02/01/2025	186.429.353.000	15.250.129,03	12.224,77	7,74
05/01/2025	183.696.123.225	15.250.091,49	12.045,58	(179,19)
06/01/2025	182.323.735.465	15.250.210,27	11.955,49	(90,09)
07/01/2025	182.248.237.828	15.251.365,28	11.949,63	(5,86)
08/01/2025	182.654.282.195	15.255.405,58	11.973,09	23,46
09/01/2025	181.960.531.261	15.259.914,55	11.924,09	(49,00)
12/01/2025	179.829.881.706	15.264.173,30	11.781,17	(142,92)
13/01/2025	180.680.669.922	15.273.308,25	11.829,83	48,66
14/01/2025	179.621.713.063	15.280.414,33	11.755,03	(74,80)
15/01/2025	180.554.532.442	15.286.256,30	11.811,56	56,53
16/01/2025	181.337.801.737	15.286.636,03	11.862,51	50,95
19/01/2025	182.656.384.419	15.290.952,30	11.945,39	82,88
20/01/2025	182.884.334.889	15.304.919,01	11.949,38	3,99
21/01/2025	182.281.751.071	15.305.884,04	11.909,26	(40,12)
22/01/2025	181.573.228.512	15.306.338,33	11.862,62	(46,64)
23/01/2025	183.985.089.425	15.306.672,78	12.019,93	157,31
29/01/2025	184.512.974.657	15.307.590,64	12.053,69	33,76
31/01/2025	184.496.353.423	15.307.590,64	12.052,61	(1,08)
02/02/2025	184.479.386.570	15.307.590,64	12.051,50	(1,11)
03/02/2025	182.618.455.366	15.307.809,35	11.929,76	(121,74)
04/02/2025	184.606.584.019	15.310.030,90	12.057,88	128,12
05/02/2025	185.535.348.725	15.327.487,89	12.104,75	46,87
06/02/2025	185.754.658.534	15.328.096,64	12.118,57	13,82
09/02/2025	185.923.604.921	15.328.756,93	12.129,07	10,50
10/02/2025	172.205.985.937	14.329.209,77	12.017,83	(111,24)
11/02/2025	173.233.509.099	14.333.190,47	12.086,18	68,35
12/02/2025	172.923.552.963	14.334.075,60	12.063,81	(22,37)
13/02/2025	173.380.275.245	14.337.531,06	12.092,76	28,95
16/02/2025	173.706.057.704	14.338.068,34	12.115,03	22,27
17/02/2025	172.639.578.995	14.338.187,07	12.040,54	(74,49)
18/02/2025	173.004.181.374	14.338.732,60	12.065,51	24,97
19/02/2025	174.722.531.942	14.341.762,74	12.182,78	117,27
20/02/2025	174.913.241.664	14.341.883,84	12.195,97	13,19
23/02/2025	175.187.615.282	14.342.046,28	12.214,97	19,00
24/02/2025	176.047.501.702	14.342.084,12	12.274,89	59,92
25/02/2025	175.791.785.233	14.341.938,82	12.257,18	(17,71)
26/02/2025	175.583.749.074	14.341.996,90	12.242,63	(14,55)
27/02/2025	176.321.690.848	14.341.793,11	12.294,26	51,63
28/02/2025	175.628.929.942	14.342.187,85	12.245,62	(48,64)
02/03/2025	175.613.038.914	14.342.187,85	12.244,51	(1,11)
03/03/2025	175.694.347.705	14.342.595,25	12.249,83	5,32
04/03/2025	176.504.147.471	14.344.230,38	12.304,89	55,06
05/03/2025	175.344.680.383	14.345.442,58	12.223,02	(81,87)
06/03/2025	177.138.207.110	14.345.520,37	12.347,98	124,96
09/03/2025	177.601.105.918	14.346.928,54	12.379,03	31,05
10/03/2025	177.577.378.339	14.346.923,15	12.377,38	(1,65)
11/03/2025	177.873.280.351	14.352.719,52	12.393,00	15,62
12/03/2025	177.003.081.046	14.353.346,84	12.331,83	(61,17)
13/03/2025	174.786.159.303	14.355.566,05	12.175,50	(156,33)
16/03/2025	173.996.779.614	14.355.681,69	12.120,41	(55,09)

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
17/03/2025	174.895.556.781	14.355.787,62	12.182,93	62,52
18/03/2025	174.219.760.123	14.358.915,53	12.133,21	(49,72)
19/03/2025	173.187.593.803	14.358.899,63	12.061,34	(71,87)
20/03/2025	173.579.706.415	14.359.057,27	12.088,52	27,18
23/03/2025	173.146.938.734	14.359.390,09	12.058,10	(30,42)
24/03/2025	173.397.702.491	14.355.514,25	12.078,82	20,72
25/03/2025	173.709.108.640	14.356.596,77	12.099,60	20,78
26/03/2025	173.068.868.177	14.358.641,86	12.053,29	(46,31)
27/03/2025	172.987.751.149	14.359.339,91	12.047,05	(6,24)
30/03/2025	171.855.404.198	14.359.720,03	11.967,88	(79,17)
31/03/2025	170.751.484.692	14.342.187,85	11.890,65	(77,23)
01/04/2025	171.630.069.959	14.365.586,08	11.947,31	56,66
02/04/2025	171.285.472.307	14.365.517,20	11.923,38	(23,93)
03/04/2025	160.423.050.995	14.366.888,87	11.166,16	(757,22)
07/04/2025	157.390.430.799	14.375.833,81	10.948,26	(217,90)
08/04/2025	147.817.028.058	14.384.605,40	10.276,06	(672,20)
09/04/2025	142.668.279.898	14.387.060,84	9.916,43	(359,63)
10/04/2025	151.591.374.343	14.387.820,37	10.536,09	619,66
13/04/2025	157.599.416.839	14.387.820,37	10.945,73	409,64
14/04/2025	158.689.778.403	14.400.436,77	11.019,79	74,06
15/04/2025	157.141.529.808	14.404.419,31	10.909,26	(110,53)
16/04/2025	155.928.951.714	14.405.491,77	10.824,27	(84,99)
17/04/2025	156.524.770.751	14.407.574,25	10.864,06	39,79
20/04/2025	157.532.905.521	14.417.144,45	10.926,78	62,72
21/04/2025	157.108.701.935	14.417.992,80	10.896,71	(30,07)
22/04/2025	156.341.589.171	14.417.857,98	10.843,61	(53,10)
23/04/2025	158.045.094.648	14.417.857,98	10.953,22	109,61
24/04/2025	158.739.278.588	14.429.892,58	11.000,72	47,50
27/04/2025	158.817.673.543	14.431.150,66	11.005,20	4,48
28/04/2025	158.435.953.881	14.431.210,88	10.978,70	(26,50)
30/04/2025	158.722.231.483	14.432.029,51	10.997,91	19,21
04/05/2025	158.693.069.581	14.432.029,51	10.995,89	(2,02)
05/05/2025	160.039.486.144	14.432.214,47	11.089,05	93,16
06/05/2025	160.032.771.443	14.432.644,66	11.088,25	(0,80)
07/05/2025	160.460.435.383	14.433.542,50	11.117,19	28,94
08/05/2025	161.737.169.329	14.433.828,52	11.205,42	88,23
11/05/2025	161.522.645.904	14.434.601,42	11.189,96	(15,46)
12/05/2025	163.297.629.507	14.435.342,25	11.312,35	122,39
13/05/2025	165.031.927.336	14.443.002,97	11.426,43	114,08
14/05/2025	166.921.216.928	14.443.047,66	11.557,20	130,77
15/05/2025	167.646.905.568	14.444.160,02	11.606,55	49,35
18/05/2025	165.958.270.861	14.445.179,99	11.488,83	(117,72)
19/05/2025	165.237.080.945	14.445.293,34	11.438,82	(50,01)
20/05/2025	167.069.081.987	14.445.836,39	11.565,21	126,39
21/05/2025	167.749.324.323	14.445.775,08	11.612,35	47,14
22/05/2025	166.643.890.353	14.446.156,97	11.535,52	(76,83)
25/05/2025	166.962.185.118	14.446.095,43	11.557,60	22,08
26/05/2025	168.899.663.878	14.454.847,24	11.684,64	127,04
27/05/2025	169.924.284.579	14.454.932,82	11.755,45	70,81

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>NAV/CCQ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND</i>
28/05/2025	169.343.679.105	14.455.133,93	11.715,12	(40,33)
29/05/2025	169.048.741.936	14.454.591,29	11.695,16	(19,96)
31/05/2025	167.316.479.114	14.454.637,90	11.575,28	(119,88)
01/06/2025	167.308.802.073	14.454.637,90	11.574,75	(0,53)
02/06/2025	168.638.082.857	14.456.003,94	11.665,61	90,86
03/06/2025	169.930.781.563	14.451.700,09	11.758,53	92,92
04/06/2025	169.596.000.875	14.451.849,22	11.735,25	(23,28)
05/06/2025	169.557.551.095	14.452.206,03	11.732,30	(2,95)
08/06/2025	168.013.765.168	14.452.731,39	11.625,05	(107,25)
09/06/2025	166.833.370.292	14.452.149,73	11.543,84	(81,21)
10/06/2025	167.131.119.575	14.452.599,34	11.564,09	20,25
11/06/2025	167.516.824.467	14.456.640,16	11.587,54	23,45
12/06/2025	169.477.085.346	14.456.696,40	11.723,09	135,55
15/06/2025	168.694.300.572	14.458.874,12	11.667,18	(55,91)
16/06/2025	171.736.508.710	14.458.990,81	11.877,49	210,31
17/06/2025	172.092.079.722	14.459.854,03	11.901,37	23,88
18/06/2025	172.064.279.726	14.459.630,73	11.899,63	(1,74)
19/06/2025	172.125.199.726	14.459.702,23	11.903,79	4,16
22/06/2025	172.396.480.859	14.460.985,64	11.921,49	17,70
23/06/2025	172.198.615.742	14.460.406,49	11.908,28	(13,21)
24/06/2025	172.815.472.121	14.460.130,95	11.951,17	42,89
25/06/2025	172.557.747.211	14.460.055,86	11.933,41	(17,76)
26/06/2025	172.863.526.835	14.460.700,60	11.954,02	20,61
29/06/2025	173.405.919.185	14.460.786,57	11.991,46	37,44
30/06/2025	174.166.388.292	14.460.088,05	12.044,63	53,17

Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ 171.290.052.983
 Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất 757,22
 Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất 0,53

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026 Chứng chỉ quỹ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ</i>
Đến một năm	14.564.515,82	14.542.602,78

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,30	2,52
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	116,17	162,76

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ 159.096.465.450 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 15.909.646.545 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 15.909.646.545 đồng.

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất cố định tại các tổ chức tài chính.

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quý Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2026:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	21.651.376.346	21.651.376.346	11.656.900.194	11.656.900.194
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý mở	11.338.898.534	11.338.898.534	11.633.731.268	11.633.731.268
- Tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động mua và mua lại CCQ	10.312.477.812	10.312.477.812	23.168.926	23.168.926
Các khoản đầu tư tuần	168.096.465.450	168.096.465.450	185.843.773.012	185.843.773.012
- Cổ phiếu niêm yết	159.096.465.450	159.096.465.450	177.753.789.450	177.753.789.450
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	9.000.000.000	9.000.000.000	8.089.983.562	8.089.983.562
Các khoản phải thu	869.880.035	869.880.035	2.277.734.062	2.277.734.062
	190.617.721.831	190.617.721.831	199.778.407.268	199.778.407.268
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	883.200.000	883.200.000	4.093.426.200	4.093.426.200
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	270.910.751	270.910.751	297.576.869	297.576.869
Chi phí phải trả	67.520.269	67.520.269	142.557.084	142.557.084
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	6.380.007	6.380.007	21.070.007	21.070.007
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	3.811.107	3.811.107	11.416.418	11.416.418
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	1.027.958	1.027.958	1.075.094	1.075.094
	1.232.850.092	1.232.850.092	4.567.121.672	4.567.121.672

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Phí dịch vụ quản lý Quỹ	1.447.163.614	1.274.495.662
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	220.445.791	245.563.052

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

b) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	Công ty Quản lý Quỹ	3.500.278,50	24,03	3.500.000,00	24,07
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	Người có liên quan của Người nội bộ Công ty Quản lý Quỹ	4.821.108,98	33,10	4.821.108,98	33,15
Bên liên quan khác	Ban lãnh đạo và Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	441,15	0,00	239.044,66	1,64
		8.321.828,63	57,13	8.560.153,64	58,86

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,05% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 0,03% trên tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày với mức tối thiểu là 50.000 đồng trên mỗi ngày giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.567.357	10.011.534
Phí dịch vụ Giám sát	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch mua bán chứng khoán	67.980.669	83.824.278
Phí ngân hàng	8.498.709	7.979.553

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi thanh toán	21.651.376.346	11.656.900.194
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký, bảo quản tài sản Quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	264.960	1.813.817

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập
Kế toán Quỹ



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người phê duyệt
Phụ trách Kế toán Quỹ



Bà Trần Đoàn Ngọc Nhi

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Ông Lu, Hui-Hung



